

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số(N^o): 0007/VAQ09 - 02/18 - 00

**GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
RƠ MOỐC VÀ SƠ MI RƠ MOỐC SẢN XUẤT, LẮP RÁP**

TYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR TRAILERS AND SEMI-TRAILERS
Cấp theo Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải

Căn cứ vào hồ sơ đăng ký số:

0688/22/GH

Ngày:

02.03.2022

Pursuant to the Technical document N^o

Date

Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

QCVN 11 : 2015/BGTVT

Standard, regulation applied

Căn cứ vào báo cáo kết quả đánh giá điều kiện kiểm tra chất lượng số:

99004/01/03/21/01

Ngày:

18.05.2021

Pursuant to the results of C.O.P examination Report N^o

Date

Căn cứ vào báo cáo kết quả kiểm tra/thử nghiệm số:

0083/KQTN-TO/18

Ngày:

25.01.2018

Pursuant to the results of Test Report N^o

Date

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

General Director of Vietnam Register hereby approves that

Loại xe (Vehicle type): **Sơ mi rơ moóc tải (chở container)**

Nhãn hiệu (Mark): **DOOSUNG**

Số loại (Model code):

DV-FBT-40-B1-1

Mã số khung (Frame number code): **RR2ENUXTZ*VB07**

Khối lượng bản thân (Kerb mass):

7.160

kg

Phân bố lên: - Chốt kéo (on kingpin):

1.590

kg

- Trục sau (on rear):

5.570

kg

Khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế (Design pay load):

31.900

kg

Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (Authorized pay load):

31.900

kg

Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (Design total mass):

39.060

kg

Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (Authorized total mass):

39.060

kg

Phân bố lên: - Chốt kéo (on kingpin):

15.060

kg

- Trục sau (on rear):

24.000

kg

Kích thước xe: Dài x Rộng x Cao (Overall: length x width x height):

12.370 x 2.490 x 1.470

mm

Khoảng cách từ tâm chốt kéo tới trục sau (Wheel space):

7.535 + 1.310 + 1.310

mm

Số trục xe (Number of axles): **3**

Cỡ lốp (Tyre size):

Lốp trước (front tyre): ---

Lốp sau (rear tyre): **11.00 - 20**

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Công ty TNHH ô tô SOOSAN Việt Nam

(Name and address of manufacturer)

Cụm công nghiệp Hạp Lĩnh, P. Hạp Lĩnh, TP. Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

Tên, địa chỉ xưởng lắp ráp:

Công ty TNHH ô tô SOOSAN Việt Nam

(Name and address of assembly plant)

Cụm công nghiệp Hạp Lĩnh, P. Hạp Lĩnh, TP. Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

Kiểu loại xe nói trên phù hợp với QCVN 11 : 2015/BGTVT

The motor vehicle type is in compliance with the QCVN 11 : 2015/BGTVT

Ghi chú:

- Vết xe bánh trước/ sau: ---/ **1.840 mm**

- Hệ thống phanh:

Phanh chính

---/Tang trống

Khí nén

Phanh đỗ

Tác động lên bánh xe trục 2, 3, 4

Tự hãm

- Số lượng lốp trục I/II/III/IV: ---/ **04/04/04**

- Chốt kéo nhãn hiệu Yonglitai model LT-XZ50-12-000

- Hàng năm, giấy chứng nhận này được xem xét đánh giá.

Ngày 03 tháng 03 năm 2022 (Date)

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM

Vietnam Register
General Director



**KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Tô An**

Cấp lại trên cơ sở giấy chứng nhận số : 0007/VAQ09 - 02/18 - 00 ký ngày 01.02.2018

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAMCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố(N^o): 0007/VAQ09 - 02/18 - 01GIẤY CHỨNG NHẬN CHẤT LƯỢNG AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
RƠ MOỐC VÀ SƠ MI RƠ MOỐC SẢN XUẤT, LẮP RÁPTYPE APPROVAL CERTIFICATE FOR TRAILERS AND SEMI-TRAILERS
Cấp theo Thông tư số 30/2011/TT-BGTVT của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải

Căn cứ vào hồ sơ đăng ký số:

0689/22/GH

Ngày:

02.03.2022

Pursuant to the Technical document N^o

Date

Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

QCVN 11 : 2015/BGTVT

Standard, regulation applied

Căn cứ vào báo cáo kết quả đánh giá điều kiện kiểm tra chất lượng số:

99004/01/03/21/01

Ngày:

18.05.2021

Pursuant to the results of C.O.P examination Report N^o

Date

Căn cứ vào báo cáo kết quả kiểm tra/thử nghiệm số:

0084 BS1/KQTN-TO/18

Ngày:

25.01.2018

Pursuant to the results of Test Report N^o

Date

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM CHỨNG NHẬN

General Director of Vietnam Register hereby approves that

Loại xe (Vehicle type): **Sơ mi rơ moóc tải (chở container)**Nhãn hiệu (Mark): **DOOSUNG**

Số loại (Model code):

DV-FBT-40-B1-2Mã số khung (Frame number code): **RR2ENUXTZ*VB07**

Khối lượng bản thân (Kerb mass):

7.160

kg

Phân bố lên: - Chốt kéo (on kingpin):

1.590

kg

- Trục sau (on rear):

5.570

kg

Khối lượng hàng chuyên chở theo thiết kế (Design pay load):

31.900

kg

Khối lượng hàng chuyên chở cho phép tham gia giao thông (Authorized pay load):

31.900

kg

Khối lượng toàn bộ theo thiết kế (Design total mass):

39.060

kg

Khối lượng toàn bộ cho phép tham gia giao thông (Authorized total mass):

39.060

kg

Phân bố lên: - Chốt kéo (on kingpin):

15.060

kg

- Trục sau (on rear):

24.000

kg

Kích thước xe: Dài x Rộng x Cao (Overall: length x width x height):

12.370 x 2.490 x 1.470

mm

Khoảng cách từ tâm chốt kéo tới trục sau (Wheel space):

7.535 + 1.310 + 1.310

mm

Số trục xe (Number of axles): **3**

Cỡ lốp (Tyre size):

Lốp trước (front tyre): ---

Lốp sau (rear tyre): **12R22.5**

Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất:

Công ty TNHH ô tô SOOSAN Việt Nam

(Name and address of manufacturer)

Cụm công nghiệp Hạp Lĩnh, P. Hạp Lĩnh, TP. Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

Tên, địa chỉ xưởng lắp ráp:

Công ty TNHH ô tô SOOSAN Việt Nam

(Name and address of assembly plant)

Cụm công nghiệp Hạp Lĩnh, P. Hạp Lĩnh, TP. Bắc Ninh, T. Bắc Ninh

Kiểu loại xe nói trên phù hợp với QCVN 11 : 2015/BGTVT

The motor vehicle type is in compliance with the QCVN 11 : 2015/BGTVT

Ghi chú:- Vết xe bánh trước/ sau: ---/ **1.840 mm**

- Hệ thống phanh:

Phanh chính

---/Tang trống

Khí nén

Phanh đỗ

Tác động lên bánh xe trục 2, 3, 4

Tự hãm

- Số lượng lốp trục I/II/III/IV: ---/**04/04/04**

- Chốt kéo nhãn hiệu Yonglitai model LT-XZ50-12-000

- Hàng năm, giấy chứng nhận này được xem xét đánh giá.

Ngày 03 tháng 03 năm 2022 (Date)

CỤC TRƯỞNG CỤC ĐĂNG KÝ VIỆT NAM

KT. CỤC TRƯỞNG
PHÓ CỤC TRƯỞNG
Nguyễn Tô An

Cấp lại trên cơ sở giấy chứng nhận số : 0007/VAQ09 - 02/18 - 01 ký ngày 21.02.2018